

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất,
chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1611/TTr-SNNMT ngày 25/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Tổng diện tích vùng quy hoạch 24.032,03 ha trên địa bàn 76 xã, phường.

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh; định kỳ rà soát, đánh giá, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung vùng quy hoạch cho phù hợp với thực tiễn sản xuất và đề xuất của địa phương theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ đối với vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan cập nhật thông tin vùng quy hoạch vào hồ sơ, bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

d) Tổ chức công bố công khai vùng quy hoạch theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trong vùng quy hoạch bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức quản lý, theo dõi ranh giới, diện tích vùng quy hoạch trên địa bàn; bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích; kịp thời cập nhật, báo cáo và đề xuất điều chỉnh khi có biến động theo quy định.

b) Công khai thông tin về vùng quy hoạch đến tổ chức, cá nhân liên quan; hướng dẫn Nhân dân áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, sử dụng giống lúa có năng suất, chất lượng cao; huy động các nguồn lực hợp pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất tại vùng quy hoạch.

c) Tổng hợp, đề xuất nhu cầu hỗ trợ; thực hiện các thủ tục đăng ký hỗ trợ đầu tư theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện; rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành có liên quan bảo đảm phù hợp với vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục: Diện tích, vị trí vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị	Diện tích quy hoạch vùng lúa năng suất, chất lượng cao
Tổng		24.032,03
1	Phường Đông Quang	60,15
	Tổ dân phố Văn Ba	60,15
2	Phường Đông Sơn	302
	Tổ dân phố Chính Bình	42
	Tổ dân phố Thượng Hòa	40
	Tổ dân phố Cự Tụ	50
	Tổ dân phố Hiền Thụ	20
	Tổ dân phố Thạch Quảng Khê	40
	Tổ dân phố Cẩm Tú	30
	Tổ dân phố Trường Xuân	45
	Tổ dân phố Phù Chấn	35
3	Xã Tổng Sơn	170,4
	Thôn Tâm Quy, Quan Tương	17,5
	Thôn Đồng Ô, Đồng Tiến, Đồng Bồng	105
	Thôn Quý Tiến, Giang Sơn 9, Ngọc Sơn, Giang Sơn 10	47,9
4	Xã Hà Long	400
	Thôn Đồng Toàn	8,8
	Thôn Khắc Dũng, Nghĩa Đụng, Gia Miêu	33
	Thôn Quan Chiêm	26
	Thôn Chánh Lộc	30
	Thôn Mỹ Dương	24
	Thôn Đà Sơn và Song Nga	95
	Thôn Trạng Sơn	57,2
	Thôn Đại Sơn	37
	Thôn Chánh Lộc	89
5	Xã Lĩnh Toại	59,8
	Thôn Mậu Yên 2	7,1
	Thôn Mậu Yên 1	15,5
	Thôn Vân Cô	5,3
	Thôn Ngọc Chuế 2	23,3
	Thôn Ngọc Chuế 1	7,6
	Thôn Núi Nga	1
6	Xã Triệu Lộc	174,82

	Đại Lộc cũ	14,62
	Triệu Lộc cũ	65,2
	Tiến Lộc cũ	95
7	Xã Đông Thành	138
	Khu vực xã Đồng Lộc cũ	30
	Khu vực xã Cầu Lộc cũ	56
	Khu vực xã Phong Lộc cũ	16
	Khu vực xã Thành Lộc cũ	16
	Khu vực xã Tuy Lộc cũ	20
8	Xã Hậu Lộc	216,15
	Thôn Tân Xuân, Thanh Xuân	37,4
	Thôn Tinh Phúc, Điện Quang, Hà Xuân	18,6
	Thôn Tinh Phúc, Tinh Hoa, Hà Xuân	6,6
	Thôn Đa Thượng, La Mát	24,5
	Thôn Khánh Vượng, Linh Long	45,12
	Thôn Đại Thống	10,08
	Thôn Hà Xuân	26,7
	Thôn Điện Quang	25,36
	Thôn Nhuệ Tôn, Yên Thường	21,79
9	Xã Hoa Lộc	211,84
	Thôn Bái Hà Xuân	15
	Thôn Đông Hòa	10
	Thôn Đông Thịnh	10
	Thôn Hữu Nghĩa	20
	Thôn Phú Mỹ	25
	Thôn Xuân Phú	6
	Thôn Tường Lộc và Thôn Quang Tân	30,7
	Thôn 1 (Liên Lộc cũ)	5,7
	Thôn 2 (Liên Lộc cũ)	9,94
	Thôn Hoa Trường	21,7
	Thôn Hoa Phú	30
	Thôn Phú Thịnh	4,7
	Thôn Hậu, thôn Giữa, thôn Trước	23,1
10	Xã Vạn Lộc	118,35
	Thôn Đông Hải, Đông Tân, Yên Hòa	45,43
	Thôn Minh Thọ, Minh Thịnh, Minh Thanh, Minh Hải	28
	Thôn Kiến Long, Mỹ Thịnh	44,92
11	Xã Nga Thắng	111,56
	Thôn Xuân Tiến và Văn Tiến	18,46
	Thôn Đồng Đội	13,3
	Thôn Mỹ Thiện	4,4

	Thôn Vỹ Mỹ	21,1
	Thôn Đông Thành 1, Đông Thành 2	13,6
	Thôn Phương Phú	15,7
	Thôn Trung Thành	10
	Thôn Tam Linh	15
12	Xã Hồ Vương	43,7
	Thôn Bắc Trung	15,3
	Thôn Đông Xuân	9,5
	Thôn Nam Thành	10,5
	Thôn Hồ Nam	8,4
13	Xã Nga An	700,75
	Giữa đồng thôn 1 và Nam ngư thôn 6	18,4
	Khu đồng mới thôn 6, đồng cò thôn 10, bãi thôn 5, mỏ chày thôn 8, thôn 2,7,11	105,4
	Khu bãi thôn 4, Nam sông Hoài thôn 8, Nam sông Hoài thôn 2, thôn 3	90,4
	Khu đất Chân vằn Thôn 10,11,12	45
	Khu Hối thôn 7,6	8,38
	Thôn Nhân Sơn	17,31
	Thôn Văn Đức	25,27
	Khu đồng Hội 3	65,24
	Thôn Phong Phú	34,88
	Thôn Tân Hải	43,93
	Thôn Lương Điền, Kỳ Tai	20,8
	Thế Nghiệp thôn 1,2	17,4
	Bình bò thôn 2,3	25,68
	Giáp tây, giáp đông thôn 4	34
	Thế nghiệp thôn 4	10
	Công điền thôn 4,5,6	30
	Tây may thôn 4, 5	19,7
	Đông bắc 5,6	14,3
	Tân tòng thôn 5,6	14,3
	Đông Ngoài Thôn 6	18,4
	Trí cú thôn 5,6	19,61
	Chính đại thôn 7	11,5
	Chính đại thôn 8	10,85
14	Xã Hoằng Lộc	91
	Thôn 1, thôn 2 Hoằng Thái cũ	15,48
	Thôn 4, thôn 5 Hoằng Thái cũ	10,57
	Thôn 3, thôn 8 cũ (Hoằng Thành cũ)	13,36
	Các thôn (Hoằng Lộc cũ)	33,39

	Thôn Hà Đồ, Đồng Lạc	18,2
15	Xã Hoàng Châu	129
	Thôn Châu Triều, Châu Phong, Phú Quang, Chung Sơn, Tiến Đức, Tiến Thắng	64
	Thôn Hải Phúc 1, Hải Phúc 2, Hoàng Tri 1, Hoàng Tri 2	45
	Thôn Nam Hội Triều, Bắc Hội Triều	10
	Thôn Phụng Ngõ 1, Phụng Ngõ 2	10
16	Xã Hoàng Sơn	100
	Hoàng Sơn (cũ)	44,1
	Hoàng Lương (cũ)	35,9
	Hoàng Trinh (cũ)	20
17	Xã Hoàng Phú	16,73
	Thôn Xa Vệ	16,73
18	Xã Lưu Vệ	118,81
	Thôn Hà Trung	24,17
	Thôn Quang Tiên, Phú Đa	21,52
	Thôn Quang Tiên	21,94
	Thôn Khang Thịnh- Đồng Thanh	32,5
	Thôn Định Thanh	18,68
19	Xã Quảng Yên	145,5
	Thôn Long Đông Thành	75,8
	Thôn Tân Thái, Hòa Trinh, Hòa Văn	69,7
20	Xã Quảng Ngọc	285,39
	Thôn Bình Danh	44,06
	Thôn Bình Danh và Thôn Linh Hưng (Đồng Nhà, Đồng Ngõ Sâu, Đồng Bực, Đồng Muồng Vải; Đồng Nảy, Đồng Cạn Cao, Đồng Nảy, Đồng Cạn Cao, Đồng Cây Sắn, Đồng Bực, Vùng 8, Vùng 7, Vùng 6, Vùng 5, Vùng 4, Vùng 3)	59,2
	Thôn Kim Lâm Đồng (Ồ 7, Đồng Trước, Đồng Bái Đưng, Đồng Mẫu 5, Cây Kè, Đồng Mẫu 9, Văn Đồng)	18,38
	Thôn Kim Lâm Đồng và Thắng Phú (Đồng Sáu Mẫu, Đồng Quần, Đồng Chạm, Đồng Bái Thuộc, Đồng Vua Trên, Đồng Củi Lợn)	29,31
	Thôn Thắng Phú và thôn Phúc Tâm (Đồng Thỏ Thè, Đồng Nga Trên, Đồng Nga Dưới, Đồng Mũi Tràng, Đồng Sau Thắng, Đồng Sau Làng, Đồng Trước Quảng, Đồng Trám)	32,31
	Thôn Linh Hưng	15
	Thôn Gia Yên	11,29
	Thôn Gia Yên và thôn Gia Đại (Đồng Lũy, Đồng Bái, Đồng Cồn, Đồng Trót, Đồng Trứa, Đồng Bái, Đồng Nấp, Đồng Quan, Đồng Cồn Mỡ, Đồng Bái Bến, Đồng Cồn Tàu Trên, Đồng Mục Đồng, Đồng Tàu, Đồng Cồn Cù, Đồng Cống Nấp, Đồng Hàn Sâu, Đồng Nấp Dưới, Đồng Mã Bò, Đồng Lũy, Đồng Bái, Đồng Mã Bò, Đồng Dọc Chùa, Đồng Tây Hàn	39,75

	Sau, Đồng Đông Hàn Sau, Đồng Tây Hàn Sau, thuộc các thôn Uy Bắc)	
	Thôn Bất Động	15
	Thôn Bất Động và thôn Gia Đại (Đồng Nung, Đồng Đông, Đồng Mã Sảnh, Đồng Trước Thôn, Đồng Cồn Trượt, Đồng Cồn Dài)	21,09
21	Xã Quảng Ninh	152
	Thôn 3	17,21
	Thôn 5	34,44
	Thôn Ninh Phúc	33,56
	Thôn Thọ Thái	37,73
	Thôn Ninh Dụ	29,06
22	Xã Quảng Chính	176,5
	Thôn Phú Cường	125,3
	Thôn Đồng Tâm	51,2
23	Xã Nông Công	1.530
	Mình Khôi cũ	250
	Mình Nghĩa cũ	300
	Vạn Thiện cũ	180
	Vạn Hòa cũ	300
	Vạn Thắng cũ	300
	Thị trấn Nông Công cũ	200
24	Xã Thắng Lợi	600
	Thôn Hữu Kiệm, Liêm Chính, Côn Dương, Đậu Yên và Giá Mai	90
	Thôn Châu Sơn, Thịnh Lạc	96
	Tế Tân Cũ	64
	Trung Thành cũ	170
	Thôn Thổ Bắc, Thổ Tân, Phú Mỹ, Lương Mộng	90
	Thôn Yên Bái, Hữu Cần, Hữu Kiệm, Liêm Chính, Trường Thọ	90
25	Xã Trung Chính	576,6
	Xã Tân Thọ cũ	93,4
	Xã Tân Khang cũ	263,3
	Xã Trung Chính cũ	178
	Xã Hoàng Giang cũ	41,9
26	Xã Trường Văn	900
	Phú Nẫm	30
	Thạch Lăng	30
	Phúc Đồi	45
	Đặng Đồi	60
	Mình Côi	57

	Phú Viên	58
	Phượng Đoài	50
	Đông Xuân	60
	Trung Liệt	50
	Yên Lăng	35
	Tín Bản	35
	Trường Thành	50
	Thượng Hòa	28
	Đông Hòa	32
	Yên Tuần	30
	Văn Đô	58
	Bất Nộ	40
	Kim Phú	25
	Thọ Sơn	39
	Yên Minh	25
	Thành Liên	39
	Trung Yên	24
27	Xã Tượng Lĩnh	312,3
	Bồng Sơn	20,3
	Thái Tượng	11
	Cát Vinh+Tân Thịnh	15,7
	Đức Phú Vân	16,7
	Trúc Đại	13,5
	Trí Phú	26,5
	Đa Hậu	57,8
	Đa Tiền	13,5
	Quỳnh Tiến	14
	Phú Thử	30,1
	Nhuyễn Phú Lâm	24
	Vĩnh Quang	37,2
	Thọ Long	32
28	Xã Công Chính	252,5
	Thôn Tuy Lộc	25
	Thôn Phú Đa	22
	Thôn Sơn Thành	30
	Thôn Tân Kì	32
	Thôn Đoài Đạo	28
	Thôn Hậu Áng	31
	Thôn Hậu Sơn	27,5
	Thôn Cự Phú	35
	Thôn Tuy Yên	22

29	Xã Thiệu Hóa	462,82
	Thôn Đông Lễ	9,11
	Thôn Phú Lai	18,63
	Thôn Thành Đạt	10,6
	Thôn Minh Đức	3,73
	Thôn Phú Hưng	18,64
	Thôn Xuân Quan	10,5
	Vùng thuộc 2 thôn: Minh Thượng Xuân Quan	36
	Vùng thuộc 2 thôn: Oanh Kiều, Nhân Mỹ	36
	Thôn Thành Đồng	2,42
	Thôn Thành Hưng	34
	Vùng thuộc các thôn: Nguyên Tiến, Nguyên Sơn, Nguyên Lý, Nguyên Trung, Nguyên Thịnh	37,62
	Vùng thuộc 2 thôn: Nguyên Hưng, Nguyên Thịnh	18
	Vùng thuộc các thôn: Nguyên Tân, Nguyên Sơn, Nguyên Thành, Nguyên Tiến, Nguyên Thắng, Nguyên Thịnh	42
	Khu phố Đình Tân	69
	Khu phố Tra Thôn	68
	Thôn Hạnh Phúc	15,88
	Mật Thôn	4,97
	Vỹ Thôn	5,14
	Thôn 2	4,85
	Thôn 1	17,73
30	Xã Thiệu Quang	30
	Thôn Châu Trướng	30
31	Xã Thiệu Tiến	43,51
	Thôn Thành Giang	18,66
	Thôn Thành Thượng	24,85
32	Xã Thiệu Toán	401
	Thôn Toán Phúc	30
	Thôn Toán Ty	25
	Thôn Dân Quyền Dân Sinh	24
	Thôn Dân Tiến	35
	Thôn Dân Vượng	32
	Thôn Dân Quý	28
	Thôn Đồng Bào	45
	Thôn Đồng Chí	52
	Thôn Đồng Minh	30
	Thôn Dân Ái	20
	Thôn Đồng Tiến	30
	Thôn Thái Lai	25

	Thôn Thái Bình	25
33	Xã Thiệu Trung	80
	Đồng Khát, Đồng Giếng, Sả dài, Đồng chè	15
	Đồng Năm Tấn, Mã Hệ	35
	Đồng Mau, Đồng Cồn Cù	30
34	Xã Yên Định	46,6
	Hoạch Thôn	11,7
	Bái Trại	12,3
	Bái Trại 1	10,5
	Phú Cẩm	12,1
35	Xã Yên Trường	784,22
	Thôn 1	37
	Thôn 2	52
	Thôn 3	45
	Thôn Mỹ Bi	15
	Thôn Lê Xá	30
	Thôn Phù Hưng 1 và Phù Hưng 2	42,42
	Thôn Tân Thành và Nam Thạch	39,6
	Thôn Khả Phú và Nam Thạch	14,8
	Thôn Long Tiến và Thọ Lộc	61,8
	Thôn Long Tiến và Thọ Lộc, Lạc Trung	27
	Thôn Khả Phú	36,1
	Thôn Lạc Trung	14,8
	Thôn Lựu Khê	38
	Thôn Phố Kiều	17,4
	Thôn Thạc Quả	26,1
	Thôn Phụng Lai	23,8
	Thôn Thị Thụ	28
	Thôn Tam Đa, Lý Nhân, Tân Phong	34,8
	Thôn Tam Đa, Lý Nhân	10,3
	Thôn Tam Đa, Phụng Lai	25
	Thôn Lý Nhân	50,6
	Thôn Tam Đa	10
	Thôn Phụng Lai, Tam Đa	16,2
	Thôn Phụng Lai, Tam Đa, Tân Phong	41,7
	Thôn Phụng Lai, Tam Đa	8,2
	Thôn Thị Thụ + Phụng Lai + Tam Đa	28,4
	Thôn Thị Thụ, Phụng Lai	10,2
36	Xã Yên Phú	453,8
	Bùi Hạ 1, Trịnh Lộc	138,1
	Bùi Thượng	110,5

	Đa Nấm	86,3
	Tân Thành	15,7
	Mỹ Hòa	31,39
	Mỹ Quan	24,7
	Lương Lợi	47,11
37	Xã Quý Lộc	565,37
	Thôn Phong Mỹ	70,55
	Thôn Đông Sơn	6,82
	Thôn Cao Khánh	16,45
	Thôn Đông Sơn, Quan Trì, Thôn 9	59,41
	Thôn Thắng Long, Diêu Sơn	62,8
	Thôn Đan Nê 1, 2; Thôn Tân Lộc 1,2	141,58
	Thôn Tu Mục 1, 2	48,7
	Thôn 10	62,92
	Thôn 1, 2, 3, 8, 9 (Xứ đồng: Ngoài, bờ Hồ, Đa Mung, Bông)	36,46
	Thôn 1, 2, 3, ...8 (Xứ đồng: Tu Mục, Trại, Nông Trường)	59,68
38	Xã Yên Ninh	400
	Thôn 1	52
	Thôn 3	20
	Thôn 4	28
	Bích Động	25
	Trịnh Xá 1	40
	Trịnh Xá 2	20
	Trịnh Xá 3	8
	Ngọc Đô	7
	Yên Thành	25
	Hoà Thượng	25
	Sơn Cường	25
	Thành Thái	25
	Châu Thôn 1	15
	Châu Thôn 2	15
	Hanh Cát 1	20
	Hanh Cát 2	20
	Phác Thôn 1	15
	Phác Thôn 2	15
39	Xã Định Tân	1.418,27
	Sét Thôn	49,8
	Thịnh Thôn	24,16
	Trịnh Điện	50,01
	Ái Thôn	40,58
	Duyên Lộc	38,72

	Yên Thôn	87,7
	Duệ Thôn	61,3
	Lang Thôn	112,6
	Mỹ Lộc	63,1
	Tam Đồng	125,3
	Hồ Thôn	66,8
	Đồng Tỉnh	55,6
	Vệ Thôn	149,3
	Duyên Hy	128,3
	Tân Long	30
	Yên Hoàn	140
	Yên Định	165
	Kênh Thôn	30
40	Xã Định Hòa	1.407,66
	Thôn 1	52,14
	Thôn Ấp Trú	40,84
	Thôn Bái Ân	50,11
	Thôn Cẩm Trướng 2	119,69
	Thôn Căng Lập	69,36
	Thôn Công Bình	51,92
	Thôn Đắc Trí	95,49
	Thôn Hải Quật	129,72
	Thôn Mai Trung	92,53
	Thôn Mỹ Nga	66,94
	Thôn Nội Hà	37,27
	Thôn Phang Thôn	93,63
	Thôn Phú Khang	39,64
	Thôn Quan Yên	22,66
	Thôn Thung Thôn	200,48
	Thôn Thung Thượng	115,23
	Thôn Tổ Lai	34,36
	Thôn Tường Vân	95,65
41	Xã Thọ Xuân	200,915
	Thôn Lệ Trạch	27,78
	Thôn Quần Kênh 2	3,8
	Thôn Quần Kênh 1	14,62
	Thôn Xuân Phả 4	6,96
	Thôn Xuân Phả 1 và Liên Thành	23,36
	Thôn Cao Thành	5,47
	Thôn Vực Thượng 1	7,64
	Thôn Quân Bình	4,77

	Thôn Vực Trung	6,99
	Thôn Vực Thượng	12,74
	Thôn Liên Phô và Vân Lộ	6,87
	Thôn Tiến Lập	8,11
	Thôn Bát Căng 2	4,63
	Thôn Ninh Thành	1,77
	Thôn Lộc Thành	16,01
	Thôn Phúc Cường	14,1
	Thôn Xuân Phả 2 và Liên Thành	35,3
42	Xã Thọ Long	323
	Nam Thượng	10,5
	Hội Hiền	6,5
	Đổng Nãi	28
	Mỹ Thượng	26,9
	Mỹ Thượng 3	21,02
	Trung Thôn	10,73
	Nhuế Thôn	31,26
	Phúc Thượng	26,33
	Phúc Hạ	13,56
	Phong Lạc 1	18
	Phong Lạc 2	43,46
	Thôn 1	25,02
	Thôn 3	3,56
	Thôn 4	6,78
	Thôn 5	21,54
	Đại Lữ	13,29
	Mạnh Chư	2,95
	Làng Dừa	13,6
43	Xã Xuân Hòa	290,01
	Thôn Tân Thành, Phấn Thôn, Hương 1	106,5
	Thôn Thượng Vội, Trung Thành	31,8
	Thôn Khái Đông, Kim Ốc	39,2
	Thôn Tinh thôn 1, Tinh thôn 2	51,6
	Thôn Quần Đới	34,3
	Thôn Quần Lai 2	8,4
	Thôn Quần Lai 1	3
	Thôn Hải Trạch 1	15,21
44	Xã Sao Vàng	150,79
	Thôn 1, 3, 4 (Xứ đồng: Đồng Lấp, Đồng Ngòan, Ngòan Mạ, Bền Chùa Khoai, ông Bình, Cồn Sim)	55,73

	Thôn 4, 6, 9 (Xứ đồng: Khua Cạn, Nần Dương, Cồn Lộn, Dưới sâu)	46,59
	Thôn 4, 6, 7, 9 (Xứ đồng: Đồng Hềng, Lầy Đáy)	48,47
45	Xã Lam Sơn	76,77
	Thôn Hồng Phong	5,71
	Thôn Hồng Sơn, Minh Thành 1, Quyết Thắng 1 (Xứ đồng Đa Tán)	14,06
	Thôn Luận Văn	14,8
	Thôn 7	9,8
	Thôn Phúc Lâm, lam Sơn, Giao Xá (Đồng Chiêm, Đồng Chanh, Mã bé, Bờ rừng)	32,4
46	Xã Thọ Lập	164,74
	Thôn Cộng Lực	23,92
	Thôn Đại Đồng	21,65
	Thôn Hiệp Lực	19,24
	Thôn Hòa Bình	26,66
	Thôn Quảng Phúc	27,48
	Thôn Tân Thành	29,93
	Thôn Thống Nhất	15,86
47	Xã Xuân Tín	129,41
	Thôn 16, Phúc Sơn	15,9
	Thôn 27	13,39
	Thôn Phủ Lịch	40,3
	Thôn Phú Cường, Thọ Phú, Thống Nhất	22,63
	Thôn Thắng Lợi, Thôn Hòa Bình	22,5
	Thôn Yên Lãng	14,69
48	Xã Xuân Lập	1.011,78
	Thôn Cao Phú, Cốc Thôn	100,83
	Thôn Đại Thắng	7,17
	Thôn Đại Thắng, Phú Vinh	36,8
	Thôn Long Linh Ngoại 1	16,7
	Thôn Long Linh Ngoại 2	31,9
	Thôn Long Linh Nội	7
	Thôn Ngọc Quang	38,5
	Thôn Phú Hậu 1, Phú Hậu 2	44,77
	Thôn Phú Xá 1, Phú Xá 2	64,65
	Thôn Thành Vinh, Ngọc Quang	46,05
	Thôn Thọ Long, Phú Vinh	13,29
	Thôn Thọ Tân, Phong Mỹ	38
	Thôn 2, 3, 4, 5, 6, 7	196,39
	Thôn Cao Phú	12,4
	Thôn Hoa Lộc	37,12

	Thôn Ngọc Trung	47,85
	Thôn Phong Cốc	10,27
	Thôn Thuần Hậu	21,5
	Thôn Trung Lập 1, 2, 3	96,89
	Thôn Vinh Quang	36,16
	Thôn Vũ Hạ	52,86
	Thôn Vũ Thượng	54,68
49	Xã Vĩnh Lộc	728,12
	Vĩnh Hưng cũ	200
	Vĩnh Phúc cũ	85,5
	Ninh Khang cũ	250
	Vĩnh Hòa cũ	91,76
	Thị trấn Vĩnh Lộc cũ	100,86
50	Xã Tây Đô	791
	Thôn Cầu Mư	16
	Thôn Bèo	43
	Thôn Đông Môn	40
	Thôn Cẩm Bào	31
	Thôn Xuân Áng	42
	Thôn Đồi Thới	17
	Thôn Thành Phong	26
	Thôn Tân Lập	26
	Thôn Phù Lưu	50
	Thôn Yên Tôn hạ	12
	Thôn Yên Tôn Thượng	54
	Thôn Thọ Đôn	55
	Thôn Mỹ Xuyên	22
	Thôn Mỹ Sơn	7
	Thôn Quan Nhân	12
	Thôn Eo Lê	20
	Thôn Tiện Ích 1	34
	Thôn Tiện Ích 2	27
	Thôn Lê Sơn	34
	Thôn Cẩm Hoàng 1	38
	Thôn Cẩm Hoàng 2	35
	Thôn Thổ Phụ	20
	Thôn Phú Lĩnh	20
	Thôn Tây Giai	70
	Thôn Xuân Giai	30
	Thôn Phương Giai	10
51	Xã Biện Thượng	464,01

	Việt Yên, Đông Thắng, Xóm Đoài, Xóm Bình, Xóm Há, Xóm Trung, Xóm Nam, Sóc Sơn 1, Sóc Sơn 2, Sóc Sơn 3 (Xã Vĩnh Hùng cũ)	104
	Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4 (Xã Vĩnh An cũ)	38,3
	Thôn Đa Bút (Xã Minh Tân cũ)	11,4
	Xứ đồng từ thôn 1 đến thôn 15 (xã Vĩnh Thịnh cũ)	310,31
52	Xã Triệu Sơn	130
	Thôn Tân Độ	20
	Thôn Tân Lập	20
	Thôn Làng Sen	5
	Thôn Tân Hưng	5
	Thôn Phú Mỹ	22
	Thôn Đô Huy	28
	Thôn Đồng Cát	15
	Thôn Hoàng Đồng	15
53	Xã Thọ Bình	88,9
	Thôn 15, thôn 16	21,7
	Thôn 5, thôn 10	32,3
	Thôn 1, thôn 2	34,9
54	Xã Thọ Ngọc	297,35
	Đồng Lũy, Đồng cầu Đùi (Thôn 8, 9 Xã Thọ Ngọc cũ)	18,4
	Đa cây, trước đền, Đồng trước, Bí đô (Thôn 1, 3, 8, 9 Xã Thọ Ngọc cũ)	13,9
	Cồn Nun, Mã Bậy, Đồng Xứ, Vũng cùng (Thôn 5, 6, 7 Xã Thọ Ngọc cũ)	47,5
	Vườn gia, Cổng ý (Thôn 1,2,3,4 Xã Thọ Ngọc cũ)	8,8
	Trịnh trên, Trịnh dưới (Thôn 5,6 Xã Thọ Ngọc cũ)	18,3
	Mã tàu, Cồn dưới (Thôn 7,8 Xã Thọ Ngọc cũ)	6,65
	Đồng Bái Phu, Đồng Cáo, Đồng Chẹ (Thôn 24,27 Xã Thọ Tiến cũ)	42
	Phúc chiêm, Cồn mua (Thôn 17, 18, 19)	18,8
	Đồng Ốt, Đồng Tú, Cồn Chuông (Thôn 10, 15)	28,2
	Bái Chẹ, Biển Nít, Biển Thế (Thôn 17, 19)	21,2
	Đa Quán, Bái Nạy, Mã Mui, Đồng Nia (Thôn 12, 13, 14, 16)	33,8
	Cồn Thêm, Mã Mui, Cồn Sim, Cồn Thêm, Sơn Nội, Sau làng (Thôn 11,12, 13)	39,8
55	Xã Thọ Phú	772
	Khu 1 (thuộc Thọ Thế, Xuân Thịnh cũ)	260
	Khu 2 (thuộc Thọ Vực, Xuân Lộc cũ)	105
	Khu 3 (thuộc Thọ Phú cũ)	91
	Khu 4 (thuộc Thọ Vực cũ)	65
	Khu 5 (thuộc Thọ Tân cũ)	95

	Khu 6 (thuộc Thọ Thế cũ)	110
	Khu 7 (thuộc Thọ Dân cũ)	46
56	Xã Hợp Tiến	380,2
	Thôn Sơn Trung	10
	Thôn Thu Vi	17
	Thôn Trị Bình	5,4
	Thôn Sơn Hương	11,2
	Thôn Cát Lợi	9,3
	Thôn 5 xã Hợp Tiến cũ (Đồng Sỹ, Xá Han, Đình Thấp)	11,3
	Thôn 4, 5 xã Hợp Tiến cũ (Đồng trước làng, Đồng Bai, Đồng Mẫu Lớn, Đồng Nổ)	20
	Thôn Tân Thắng 1 (đồng Bái Trời)	20
	Thôn Tâm Tiến	13,8
	Thôn Đồng Khang	14,5
	Thôn Tân Thắng 1, Tân Thắng 2 (Đồng Mò Cua, Bái Trời, Minh Sơn)	100
	Thôn Liên Châu	25
	Thôn Châu Cương	35
	Thôn Trung Thành, Lai Triều	87,7
57	Xã An Nông	590,72
	Đồng Tàu, Đầu Cầu, Rọc Trên, Cồn Trung, Đồng Mẫu, Chín Sào, Đồng Lốc, Gốc Đa	58,28
	Năm Tấn, Đồng Thọt 1, Đồng Thọt 2, Đồng Nấn; Đồng Pheo, Đồng Quán Nhi	123,24
	Đồng Nước, Đồng Sa, Đồng Đội Lỗ, Dưới Đồng	66,5
	Đồng Dọc Nông, Đồng Chảo, Đồng Lãng Đá, Đồng Ranh	45,35
	Đồng Nén, Đồng Đầu Rừng; Đồng Nẻ; Đồng Cổ Bông	31,64
	Đồng Nga, Cồn Cạn, Đồng Ngoài, Cồn 2, Cồn Cốc, Đồng Kiều, Cầu Đá, Nổ Ngang	132,06
	Đồng Cây Kéo, Đồng Cây Đa, Đồng Trìa Dứa, Đồng Nhãn, Đồng Đồi, Đồng Trẻo, Đồng Đa Gạo, Đồng Rọc Hồ, Đồng Cồn Đền	109,57
	Đồng Bãi Xá, Đồng Trần Bầu, Đồng Chiêm Lục, Đồng Nhà Cò	24,08
58	Xã Tân Ninh	251
	Xứ đồng Rậm, xã Vân Sơn cũ	18
	Các xứ đồng: Ke, Khe, Cầu, Rọc, Mẫu Mạ, Mương Ngang, Cháng A, Cháng B, xã Vân Sơn cũ	80
	Các xứ đồng: Mã Cả, Hàn Tre, Chóp, Đồi, xã Vân Sơn cũ	29
	Các xứ đồng: Đồi Lồ, Ba, Đình, Chìa Rọ, Cồn Chấn, Đồi Nạp, Gốc Đa, Mã 6 Cao, xã Thái Hòa Cũ	124
59	Xã Đồng Tiến	198,7

	Thôn Đồng Xá 1+ Đồng Xá 2	50,2
	Thôn Trúc Chuẩn 3	27,5
	Thôn Thanh Xuân	26
	Thôn Thọ Lộc	15
	Thôn Long Vân, Lộc Nham	60
	Thôn Quần Nham 1	20
60	Xã Trung Hạ	39
	Bản Lang	8
	Bản Bá	15
	Bản Mòn	5
	Bản Lầm	5
	Bản Lốc	6
61	Xã Linh Sơn	8,3
	Thôn trùng	8,3
62	Xã Giao An	8,2
	Thôn Chiềng Nang	8,2
63	Xã Bá Thước	113
	Thôn Tôm	11,7
	Thôn Chiềng Lau	39
	Thôn Nghìa	8,6
	Thôn Ba	11,2
	Thôn La Hán	14,4
	Thôn Cà	12,4
	Khu phố Mòn	7,8
	Thôn Chiềng Ai	7,9
64	Xã Cổ Lũng	76,9
	Thôn Phìa	10
	Thôn La Ca	7,8
	Thôn Nà Khà	11,2
	Thôn Nang	19,7
	Thôn Cao	13,2
	Thôn Bỏ	15
65	Xã Điện Lư	310
	Thôn Chiềng Lầm	16
	Thôn Cò Lượn	20
	Thôn Cộc Ngán	23
	Thôn Cón	8,9
	Thôn Cùn Láo	15
	Thôn Đan	16
	Thôn Điện Lý	14
	Thôn Điện Tiến	15

	Thôn Giát	13
	Thôn Giỏi	9,36
	Thôn Kéo	12
	Thôn Khà	22
	Thôn Mé	10,4
	Thôn Muồng Do	22,2
	Thôn Mỹ	14
	Thôn Sông Mã	13
	Thôn Thung Tâm	11
	Thôn Tôm	19,3
	Thôn Triu	12
	Thôn Trúc	5,85
	Thôn Vèn	11
	Thôn Võ	7
66	Xã Kiên Thọ	96,17
	Làng Cốc	11,7
	Làng Hạ	3,3
	Thôn Thống Nhất	26,2
	Thôn Thọ Phú	5,4
	Thôn Xuân Thành	9,5
	Thôn 11	11,3
	Thôn Thành Sơn	28,77
67	Xã Cẩm Thạch	487
	Chiềng Đông	76
	Sẻ, Hạc Sơn	154
	Bình Hòa 1,3,5	130
	Cốc, Vàn Thung, Búi	127
68	Xã Cẩm Tú	210,7
	Thôn Bắc Sơn	28,3
	Thôn Liên Sơn	25,5
	Thôn Cẩm Hoa	15
	Thôn Giang Trung	59,7
	Thôn Giang Sơn	20
	Thôn Kim Mắm	8,6
	Thôn Quý Sơn	18
	Thôn Quý Tân	20,5
	Thôn Quý Trung	4,6
	Thôn Quý Thịnh	10,5
69	Xã Cẩm Vân	120
	Thôn Đồi Chông	20
	Thôn Tiên Lãng	20

	Thôn Vân Quan	20
	Thôn Vân Cát	20
	Thôn Quan Phác	20
	Thôn Trâm Lựt	20
70	Xã Ngọc Trạo	101,92
	Thôn Đồng Ngư	22,24
	Thôn Dỹ Thắng	18,13
	Thôn Dỹ Tiến	15,21
	Thôn Thạch Cừ	8,13
	Thôn Ngọc Long	19,78
	Thôn Dọc Dành	8,34
	Thôn Ngọc Trạo	10,09
71	Xã Thạch Bình	489,29
	Gò Đất Dưới	21,9
	Gò Kiên, Bờ Trên, Bờ Lũy	49,85
	Học Điền Trên	38,49
	Khóm Đồng	67,84
	Đồng Lò Vôi, Đồng Bái Cò, Đồng Phần Trăm	27,1
	Đồng Gò Dành, Đồng Cây Xi, Đồng Mô, Đồng Hồ Sen	44,69
	Đồng Ao Cá, Đồng Đon Căng, Đồng Năm Tân, Đồng Đủ, Đồng Thạm Thụ	40,64
	Đồng Đôn, Đầm Bui, Gò Mối, Lò Gạch, Đồng Muông, Đồng Trám	59,68
	Gò Bằng, Đồng Đá Trên, Đồng Đá Dưới, Đồng Đổ, Gò La, Đồng Dáng, Đồng Kiên	62,37
	Đồng Học Điền, Đồng Bờ Lũy, Đồng Lũy Lau, Đồng Phú Ô, Đồng Bái Cò, Đồng Mốc Mường, Đồng Châu Sơn	43,76
	Đồng Chiêm Trong, Đồng Mô Đốc, Đồng Đa Lông, Đồng Hàng, Đồng Chiêm Ngoài	32,97
72	Xã Hóa Quỳ	32
	Thôn Liên Hiệp và Tân Thịnh	32
73	Xã Mậu Lâm	341,19
	Thôn Eo Sơn	10,11
	Thôn Thung Khế	13,02
	Xứ đồng trước làng, giữa đồng, Đồng Khoai thôn Phú Nhuận và Đồng Đình Hạ thôn Thanh Sơn	21,37
	Thôn Phú Quang	12,76
	Xứ đồng ngoài thôn Phú Nhuận, Đồng Hạ thôn Phú Phượng 1, Đồng 4, Đồng 5 thôn Phú Phượng 2	33,93
	Thôn Yên Thọ	30
	Xứ đồng thôn Đồng Yên, thôn Hợp Tiến	70

	Xứ đồng thôn Bái Gạo 1, thôn Bái Gạo 2	40
	Thôn Đồng Mộc	40
	Xứ đồng thôn Đồng Tiến, Tâm Tiến	70
74	Xã Yên Thọ	185
	Quần Thọ, Tân Thọ	29
	Xuân Mới, Tân Thịnh, Minh Thịnh	58
	Hợp Thịnh, Yên Xuân, Hùng Sơn, Thống Nhất	76
	Châm Khê	22
75	Xã Lương Sơn	52
	Thôn Minh Quang	11
	Thôn Ngọc Sơn	6
	Thôn Ngọc Thượng	15
	Thôn Lương Thịnh	20
76	Xã Thường Xuân	134,84
	Thôn Xuân Thành	10,6
	Thôn Xuân Lập	28
	Thôn Xuân Thắng	32
	Thôn Tân Lập	12
	Thôn Vụ Bản	23,04
	Thôn Xuân Thịnh	5
	Thôn Thanh Trung 1	2,5
	Thôn Thanh Trung 2	1,7
	Thôn Thanh Trung 3	7
	Thôn Đông Xuân	3,5
	Thôn Hồng Kỳ	9,5